

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 54/2006/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định quản lý hoạt động Tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

Căn cứ Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30/12/1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và Thông tư số 02/2005/TT-TNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định trên;

Căn cứ Nghị định số 34/2005/NĐ-CP ngày 27/3/2005 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và Thông tư số 05/2005/TT-BTNMT ngày 22/7/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định trên;

Căn cứ Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp phép thăm dò, khai thác và hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Chỉ thị số 02/2004/CT-BTNMT ngày 02/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh”

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản liên ngành hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 12 tháng 9 năm 2006

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động tài nguyên Nước trên địa bàn tỉnh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2006/QĐ-UBND
Ngày 12/9/2006 của UBND tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

1. Quyết định này quy định thẩm quyền, thủ tục cấp, gia hạn, thay đổi, đình chỉ, trả lại, chuyển quyền sử dụng giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh;

2. Quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, UBND các cấp và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước ở các địa phương trong tỉnh.

Việc cấp giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước từ hệ thống công trình thủy lợi và xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi có quy định riêng. Việc khai thác nước khoáng và nước nóng thiên nhiên theo quy định của Luật Khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động tài nguyên nước.

1. Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; bảo đảm lợi ích của Nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước;

2. Việc cấp phép phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; ưu tiên cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước để cung cấp nước sinh hoạt.

Điều 4. Thẩm quyền cấp phép.

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ, thu hồi giấy phép các trường hợp sau:

1. Thăm dò, khai thác nước dưới đất với công trình có lưu lượng từ trên 20m³ đến dưới 3000m³/ngày đêm;

2. Khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển cho sản xuất nông nghiệp, làm muối, nuôi trồng thủy, hải sản với lưu lượng dưới 2m³/giờ;

3. Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm;

4. Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 5000m³/ngày đêm;

5. Hành nghề khoan nước dưới đất có phạm vi hoạt động trong địa bàn tỉnh.

Điều 5. Các trường hợp hoạt động tài nguyên nước không phải xin phép.

1. Các trường hợp khai thác, sử dụng nước không phải xin cấp phép:

Theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 6 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và Điểm 3.1 Mục I Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định trên. Các trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất thuộc quy định trên phải thông báo cho UBND cấp xã biết trước khi thi công công trình.

2. Các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình không phải xin phép nhưng phải đăng ký:

a) Khai thác, sử dụng nước dưới đất trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá 20 m³/ngày đêm ở vùng có tổng lượng nước khai thác vượt quá lượng dòng ngầm trung bình mùa kiệt;

b) Chiều sâu giếng khai thác vượt quá mức quy định cho từng vùng;

c) Trình tự, thủ tục đăng ký theo Điều 12 bản quy định này;

3. Các trường hợp hoạt động tài nguyên nước không quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này đều phải xin cấp phép.

Chương II

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 6. Hồ sơ xin giấy phép hoạt động tài nguyên nước.

Hồ sơ xin cấp các loại giấy phép hoạt động tài nguyên nước thực hiện theo nội dung quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định về cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước; các Điều 8, 9, 16 bản quy định về hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Trình tự, cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước, xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi và các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, Quyết định.

2. Thời gian thực hiện:

- Trong thời hạn từ mười lăm (15) đến ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (tùy từng loại hồ sơ theo quy định của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004), cơ quan tiếp nhận phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ căn cứ thì trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét việc cấp hay không cấp giấy phép cho chủ đầu tư;

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do cơ quan tiếp nhận trình, UBND tỉnh xem xét quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép và chuyển lại hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận;

- Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân hoặc trả lời bằng văn bản về lý do không được cấp giấy phép.

Điều 8. Thời hạn, thời gian gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại và chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

Thời hạn, thời gian gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước và hồ sơ phải nộp của từng loại giấy phép thực hiện theo nội dung các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 của Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ.

Trình tự, thủ tục: Thực hiện theo Điều 7 Bản Quy định này.

Điều 9. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

1. Điều kiện cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: Thực hiện theo Điều 15 bản Quy định về hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trình tự, thủ tục: Thực hiện theo nội dung Điều 6 và Điều 7 Bản Quy định này.

Điều 10. Thời hạn, thời gian gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

1. Thời hạn của giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất không quá năm (05) năm và được xem xét gia hạn nhiều lần nhưng mỗi lần gia hạn không quá ba (03) năm;

2. Việc gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất căn cứ vào nội dung tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 12 bản Quy định này cùng các điều kiện sau đây:

a) Trong quá trình hành nghề, chủ giấy phép không vi phạm nội dung quy định của giấy phép và quy định của pháp luật về tài nguyên nước;

b) Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, giấy phép đã được cấp còn hiệu lực không ít hơn ba mươi (30) ngày.

3. Điều chỉnh nội dung giấy phép:

a) Việc điều chỉnh nội dung giấy phép được xem xét trong trường hợp chủ giấy phép đề nghị thay đổi phạm vi, quy mô hành nghề, hoặc cơ quan cấp phép đề nghị thay đổi quy mô hành nghề do chủ giấy phép không còn đáp ứng điều kiện hành nghề đối với quy mô hành nghề được cấp phép;

b) Trường hợp cơ quan cấp phép đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép thì cơ quan cấp phép phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ba mươi (30) ngày.

4. Trình tự, thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất: Thực hiện theo Điều 6 và 7 bản Quy định này.

Điều 11. Đình chỉ hiệu lực giấy phép, thu hồi, trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

1. Việc đình chỉ hiệu lực của giấy phép do cơ quan cấp phép quyết định trong trường hợp chủ giấy phép có các hành vi vi phạm các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ.

2. Việc thu hồi giấy phép do cơ quan cấp phép quyết định trong các trường hợp vi phạm các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ.

3. Trả lại giấy phép: Trường hợp không sử dụng giấy phép, chủ giấy phép có quyền trả lại giấy phép cho cơ quan cấp phép và có văn bản thông báo cho cơ quan cấp phép;

Tổ chức, cá nhân đã trả lại giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau một (01) năm, kể từ ngày trả lại giấy phép.

Điều 12. Thực hiện đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất của hộ gia đình không phải xin phép nhưng phải đăng ký.

1. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất nêu các nội dung: Họ, Tên, địa chỉ chủ hộ gia đình, mục đích, quy mô khai thác, vị trí giếng, chiều sâu giếng, đường kính giếng khoan, lượng nước và chế độ khai thác;

b) Bản cam kết bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đăng ký không gây suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và phải trám lấp giếng đúng quy trình, quy phạm khi không còn sử dụng.

2. Trình tự thực hiện:

a) Chủ hộ gia đình đúng tên đăng ký gửi tới UBND cấp xã 02 bộ hồ sơ đăng ký.

b) Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã phải thẩm định và thông báo cho chủ hộ biết.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép hoạt động tài nguyên nước.

Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tài nguyên nước có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17, 18 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ và Điều 17 bản Quy định về cấp phép thăm dò, khai thác và hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 14. Giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước có nghĩa vụ lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước theo đúng quy định và ghi lưu lượng nước đã khai thác hàng ngày vào sổ vận hành công trình.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước có nghĩa vụ:

a) Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước xả thải theo đúng quy định và ghi chép lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày vào sổ vận hành công trình.

b) Kiểm tra chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải ba (03) tháng một (01) lần.

Điều 15. Báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường sáu (06) tháng một (01) lần về lưu lượng nước đã khai thác.

2. Tổ chức, cá nhân được phép xả nước thải vào nguồn nước thực hiện chế độ báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường ba (03) tháng một (01) lần gồm các nội dung sau:

a) Số liệu về lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày.

b) Kết quả phân tích chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước khi gặp sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về chất

lượng nguồn nước phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND huyện, thành phố nơi xảy ra sự cố để được hướng dẫn xử lý.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất từ các công trình khai thác mới thay thế công trình đã bị hư hỏng thuộc trường hợp không phải xin cấp phép mới theo nội dung quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 3 bản Quy định này có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép trước khi tiến hành thi công công trình khai thác mới để thực hiện công tác điều chỉnh giấy phép.

Điều 16. Công tác trám lấp giếng

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng, hành nghề khoan nước dưới đất có nghĩa vụ trám lấp các giếng khoan, giếng đào bị hư hỏng, không còn sử dụng hoặc không đạt yêu cầu sau khi kết thúc giai đoạn thăm dò, khai thác theo đúng quy định.

2. Trước khi trám lấp giếng, tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép hoặc chủ quản lý vận hành công trình có nghĩa vụ thông báo cho địa phương, cơ sở và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất biết.

Chương IV

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH

Điều 17. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Tham mưu và trực tiếp giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành và sự phân cấp của UBND tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và các hoạt động liên quan trong địa bàn tỉnh.

3. Chủ trì xây dựng và thực hiện đề án điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước tại địa phương theo sự phân cấp của UBND tỉnh.

4. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý, bảo vệ tài nguyên nước, các hoạt động về tài nguyên nước phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trình UBND tỉnh quyết định.

5. Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ xin cấp, gia hạn, chuyển nhượng, thừa kế, trả lại giấy phép hoạt động tài nguyên nước, các dự án đầu tư khai thác, sử dụng tài nguyên nước, báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền, báo cáo định kỳ với UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

6. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; phối, kết hợp với các ngành, các địa phương thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân; tham gia giải quyết các vấn đề tranh chấp trong hoạt động về tài nguyên nước, đồng thời xử lý và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Tham mưu và trực tiếp giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan:

1. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan xây dựng và hướng dẫn việc triển khai thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí về quản lý và sử dụng tài nguyên nước theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành hữu quan xây dựng quy định các tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng nước sử dụng cho từng mục đích; nước thải xả vào nguồn nước; tổ chức kiểm tra và phối hợp kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn theo quy định.

3. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố xây dựng quy hoạch mạng lưới khai thác và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; giới thiệu địa điểm các công trình cho phù hợp, bảo đảm nguồn nước cho thực hiện các dự án, công trình.

Điều 20. UBND huyện, thành phố có trách nhiệm:

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật và của UBND tỉnh.

2. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong công tác lập quy hoạch, quản lý, thông tin, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân, cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; quyết định biện pháp huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ, lụt, hạn hán; xử lý sự cố công trình thủy lợi hạn chế tác hại do nước gây ra kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của các sở, ngành liên quan.

4. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, hướng dẫn và giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hoạt động tài nguyên nước của các tổ chức và cá nhân trên địa bàn quản lý; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với UBND tỉnh về tình hình quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn theo chế độ quy định.

Điều 21. UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật và của UBND tỉnh.

2. Thực hiện sự chỉ đạo và hướng dẫn của UBND huyện, thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành liên quan trong công tác quy hoạch, quản lý, thông tin, tuyên truyền về hoạt động tài nguyên nước; xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tính mạng của nhân dân, tài sản của nhân dân và Nhà nước.

3. Tham gia công tác hoà giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tài nguyên nước; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật tài nguyên nước tại địa phương.

4. Thực hiện đăng ký và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất của các hộ gia đình không phải xin phép theo nội dung Điều 12 bản Quy định này. Tổ chức kiểm kê, kiểm tra các hoạt động tài nguyên nước tại địa phương, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với UBND huyện, thành phố về tình hình hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn quản lý.

Chương V

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động tài nguyên nước của các tổ chức, cá nhân được các ngành chức năng thực hiện như sau:

1. Thanh tra chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo nhiệm vụ và thẩm quyền được quy định tại các Điều 66, 67 của Luật Tài nguyên nước; chủ trì phối hợp với thanh tra các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động về tài nguyên nước của các tổ chức, cá nhân, kết hợp với bảo vệ môi trường, bảo vệ tài sản thiên nhiên khác;

2. Thanh tra tỉnh theo dõi, tổng hợp và tổ chức thực hiện việc thanh tra định kỳ theo thẩm quyền và theo chỉ đạo của UBND tỉnh;

3. UBND huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn thường xuyên thanh tra, kiểm tra các hoạt động tài nguyên nước tại địa bàn quản lý; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền và báo cáo về UBND tỉnh;

4. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu và chấp hành quyết định của Đoàn Thanh tra, Thanh tra viên.

Điều 23. Khen thưởng.

Tổ chức, cá nhân, các cấp, các ngành và các địa phương có thành tích trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước được đề nghị các cấp có thẩm quyền xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 24. Xử lý vi phạm.

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; cơ quan quản lý nhà nước các cấp không thực hiện trách nhiệm được giao hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, cố ý làm trái Quy định này gây thiệt hại cho Nhà nước, cho

các tổ chức, cá nhân phải bồi thường do hành vi vi phạm gây nên, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các khiếu nại, tố cáo có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động tài nguyên nước được giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại, Tố cáo.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Điều khoản thi hành.

1. Các giấy phép đã cấp cho các tổ chức, cá nhân có nội dung trái với Quyết định này và các tổ chức, cá nhân đang hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh thuộc diện phải xin phép mà chưa có giấy phép thì trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, các đối tượng trên phải làm thủ tục xin cấp giấy theo quy định này phép mới được tiếp tục hoạt động.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cấp, các ngành, các đơn vị, cá nhân có liên quan gửi văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Việt